

Bản án số: **26/2018/HS-ST**
Ngày 16 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Thắng.

Ông Nguyễn Thanh Phụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 và 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 16/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang T, sinh năm 1997 tại Bến Tre.

Tên gọi khác: Tí Ù, T Ù.

Nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Quang M, sinh năm: 1973 và bà Phạm Thị Kim Loan, sinh năm: 1975. Tiền án: Ngày 28/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2017. Tiền sự: Ngày 07/6/2016, bị Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma Hy, chưa nộp phạt; Ngày 26/7/2016, bị Ủy ban nhân dân xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt; Ngày 02/8/2016, bị Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt. Nhân thân: Xấu. Bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2018 cho đến nay. (Có mặt)

2. Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1992 tại Bến Tre. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: ấp A, xã ANT, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn

Thái Hùng, sinh năm: 1961 và Trần Thị Bạch Huệ, sinh năm: 1961 (Chết). Có 02 con ngoài giá thú, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án: Ngày 25/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 06 tháng tù về các tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tiền sự: Không. Nhân thân: Xấu. Bị bắt theo quyết định truy nã để chấp hành án ngày 07/4/2018. Bị bắt để tạm giam từ ngày 06/7/2018 cho đến nay. (Có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo T:* Ông Lê Huỳnh Nhứt Thiện - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* *Bị hại:*

- Võ Huỳnh Khánh B, sinh ngày: 20/02/2002. Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Trần Thị Ngọc A, sinh ngày: 11/9 ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

* *Người đại diện của bị hại Khánh B:* Võ Minh P, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

* *Người đại diện của bị hại Ngọc A:* Nguyễn Thị T, sinh năm: 1954. Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Khánh B:* Ông Trần Nhật Long Huy – Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và gửi trước bài bảo vệ cho Tòa án)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Ngọc A:* Bà Phạm Thị Kim Tuyền – Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lê Tuấn K, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: KP 2, thị trấn B, huyện B tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Lê Quang M, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* *Người làm chứng:* Hồ Thị Thúy K, sinh năm: 2000. Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H, thuê nhà trọ tại huyện Ba Tri sống với nhau như vợ chồng cùng với hai đứa con nhỏ của H. Do không có tiền tiêu xài, T và H thống nhất với nhau đi tìm tài sản của người khác để sơ hở thì ra tay chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài chung. Ngày 24 và ngày 26/02/2018, T và H đã thực hiện hai vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 24/02/2018, Lê Quang T điều khiển xe gắn máy biển số 71AC-006.24 chở Nguyễn Thị Cẩm H ngồi sau và 01 đứa con khoảng 08 tháng tuổi của H ngồi

trên ghế em bé được gắn vào ba ga của xe, lưu thông trên Quốc lộ 57C hướng từ huyện Ba Tri đi thành phố Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp Hưng Hòa Tây, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, T phát hiện chị Hồ Thị Thúy K điều khiển xe đạp điện phía sau chở Võ Huỳnh Khánh B, trên tay B cầm 01 túi ni lon màu trắng lưu thông cùng chiều phía trước đang rẽ trái vào đường nhánh, T điều khiển xe gắn máy vượt lên bên phải, áp sát xe của Kiều, T dùng tay trái giật lấy túi ni lon của B đang cầm rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng thành phố Bến Tre. Trên đường tẩu thoát, T đưa túi ni lon vừa giật được của B cho H kiểm tra bên trong có: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, bên trong gắn 02 thẻ sim có số thuê bao 0868.979.294 và 01864.347.806; 01 hộp giấy bên trong đựng 01 áo thun nam màu đỏ; 01 cái bóp da (ví da) nam màu đen bên trong có 700.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 túi giấy đựng hình cá nhân của B và 1.000.000 đồng (gồm 02 tờ Polime mệnh giá 500.000 đồng được gấp nhỏ lại). H lấy số tiền 700.000 đồng, cái áo thun đỏ, điện thoại di động cất giữ, các tài sản còn lại H ném bỏ trên đường. Khi về đến huyện Ba Tri, H bán điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime tại cửa hàng điện thoại di động Tuấn Q do ông Lê Tuấn Q làm chủ với số tiền 2.500.000 đồng; cái áo thun màu đỏ, 02 sim điện thoại T lấy sử dụng và đã làm mất 01 sim có số thuê bao 01864.347.806. B đã tìm lại được chứng minh nhân dân, do cái bóp da màu đen đã cũ, sim có số thuê bao 01864.347.806 và hình cá nhân của B không có giá trị lớn nên B không yêu cầu định giá và bồi thường thiệt hại đối với các tài sản nêu trên.

Hội đồng định giá tài sản huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime trị giá 4.800.000 đồng, 01 áo thun nam màu đỏ trị giá 100.000 đồng. Tổng cộng là 4.900.000 đồng.

Khoảng 14 giờ, ngày 26/02/2018, Lê Quang T điều khiển xe gắn máy biển số 71AC-006.24 chở Nguyễn Thị Cẩm H ngồi sau và 01 đứa con khoảng 08 tháng tuổi của H ngồi trên ghế em bé được gắn vào ba ga của xe, lưu thông trên lộ bê tông liên xã hướng từ xã Tân Hưng, huyện Ba Tri đi xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm. Khi đến khu vực thuộc ấp Hưng An Đông, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, H phát hiện Trần Thị Ngọc A, sinh ngày: 11/9/2006 nằm trên võng trong căn nhà cặp lộ bê tông bên phải theo hướng lưu thông của T và H, đầu Ngọc A quay ra hướng lộ bê tông, hai tay Ngọc A sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime. H kêu T dừng xe lại và xuống xe. T điều khiển xe tới một đoạn rồi ngồi trên xe đợi H. H đi bộ vào vị T Ngọc A đang nằm, dùng tay giật lấy điện thoại di động của Ngọc A đang cầm, Ngọc A ngồi dậy la lên “cướp, cướp”, H lấy con dao Thái Lan để trên đầu tủ lạnh gần cửa nhà trước chỉ vào Ngọc A nói “mày im, mày la lên tao đâm mày”. Ngọc A sợ ngồi im trên võng, H cầm điện thoại di động và con dao lên xe T đợi sẵn, tẩu thoát về hướng xã Hưng Nhượng, trên đường tẩu thoát H ném bỏ con dao xuống kênh. Khi về đến huyện Ba Tri, H bán điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime tại cửa hàng điện thoại di động Tuấn Q do ông Lê Tuấn Q làm chủ với số tiền 2.500.000 đồng. Con dao Thái Lan đã cũ, Ngọc A và gia đình không yêu cầu định giá và bồi thường thiệt hại.

Hội đồng định giá tài sản huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime trị giá 5.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 xe gắn máy biển số 71AC-006.24; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, 01 sim có số thuê bao 0868.979.294; 01 áo thun nam màu đỏ; 02 vỏ hộp điện thoại di động có chữ Samsung Galaxy J7 Prime; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong gắn 01 sim số thuê bao 01626.420.343. Riêng con dao Thái Lan H ném bỏ xuống kênh, truy tìm không kết quả. Xe gắn máy biển số 71AC-006.24 thuộc sở hữu của ông Lê Quang M (cha ruột Lê Quang T), việc T sử dụng xe gắn máy nêu trên đi cướp giật tài sản với H ông M không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy biển số 71AC-006.24 cho ông M; trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, 01 sim có số thuê bao 0868.979.294, 01 áo thun nam màu đỏ, 01 vỏ hộp điện thoại di động có chữ Samsung Galaxy J7 Prime cho bị hại Võ Huỳnh Khánh B; trả lại 01 vỏ hộp điện thoại di động có chữ Samsung Galaxy J7 Prime cho bị hại Trần Thị Ngọc A; trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong gắn 01 sim số thuê bao 01626.420.343 cho Lê Quang T.

Bản Cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS, ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố các bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, đ, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 04 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm H từ 04 năm đến 06 năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù theo Bản án số 03/2018/HS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận các bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H đã liên đới bồi thường xong cho bị hại Võ Huỳnh Khánh B số tiền 1.700.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường số tiền 850.000 đồng. Buộc các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Thị Cẩm H T tục liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị Ngọc A với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường với số tiền là 2.500.000 đồng và bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Tấn Q với số tiền 2.500.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường với số tiền là 1.250.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, nên không đề cập.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố bị cáo Lê Quang T về tội "Cướp giật tài sản" là đúng người, đúng tội nên không tranh luận về tội danh. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết định khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm đề nghị áp dụng đối với bị cáo T ở điểm đ, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp với hành vi của bị cáo. Việc bị cáo H chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Thị Ngọc A là người dưới 16 tuổi và khi bị hại Ngọc A phản ứng bị cáo H có hành vi hành hung để tẩu thoát là nằm ngoài ý muốn của bị cáo T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự còn lại các điều khoản áp dụng khác đối với bị cáo người bào chữa thống nhất với Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cho bị cáo T ở mức án thấp nhất của khung hình phạt là 03 năm tù.

Bị cáo T thống nhất quan điểm của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Thị Ngọc A trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo T, H là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm không áp dụng điểm h khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là chưa phản ánh đúng với hành vi của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm d, đ, g, h khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Theo ý kiến của gia đình người bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, H. Đồng ý với các điều khoản khác mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo nên không tranh luận. Qua phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo T 04 năm tù, bị cáo H 03 năm tù.

Người đại diện cho người bị hại Trần Thị Ngọc A thống nhất quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và không có ý kiến tranh luận gì khác.

Lời nói cuối cùng của bị cáo H: Rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về chăm sóc con nhỏ. Bị cáo T rất ăn năn hối hận về hành vi của mình và xin lỗi phía bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên Tòa, các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Thị Cẩm H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị

cáo là có cơ sở, vì phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra như: biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, vật chứng tạm giữ, kết luận định giá, kết quả khám nghiệm, xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thống nhất trước với nhau, cùng đi tìm tài sản của người khác để sơ hở thì ra tay chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để thực hiện hành vi công khai chiếm đoạt tài sản của bị hại Võ Huỳnh Khánh B rồi nhanh chóng tẩu thoát trong khi những tài sản đó đang trong tầm quản lý của bị hại B, đồng thời sau khi đã chiếm đoạt được tài sản, bị hại Trần Thị Ngọc A phản ứng thì các bị cáo có hành động đe dọa, hành hung để tẩu thoát. Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đối với Trần Thị Ngọc A, sinh ngày: 11/9/2006 là người dưới 16 tuổi. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định hành vi trên của bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại d, đ, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố các bị cáo với tội danh, điểm, khoản, Điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên được chấp nhận.

Trong vụ án này, các bị cáo T, H cố ý cùng thực hiện một tội phạm, nên được xác định là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn. Đối với vụ chiếm đoạt tài sản vào ngày 24/02/2018 bị cáo T là người thực hành, bị cáo H là người giúp sức và vụ chiếm đoạt tài sản ngày 26/02/2018 bị cáo H là người thực hành, bị cáo T là người giúp sức. Qua đó, Hội đồng xét xử đánh giá được mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang bằng nhau.

Qua xem xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy rằng, trước khi đi chiếm đoạt tài sản giữa bị cáo T và bị cáo H đã thống nhất với nhau. Mặc dù bị cáo T không biết bị cáo H thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người dưới 16 tuổi và có hành vi đe dọa bị hại để tẩu thoát, khi bị cáo H chiếm đoạt tài sản xong, bị cáo T đã cùng bị cáo H nhanh chóng tẩu thoát và cùng nhau hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt được, đồng thời chính bị cáo T cũng thừa nhận đã thống nhất trước với bị cáo H đi chiếm đoạt tài sản của người khác, thì khi bị cáo H vào nhà bị hại Trần Thị Ngọc A, bị cáo H dùng cách nào và bằng thủ đoạn gì để lấy được tài sản, không gây nguy hiểm cho người bị hại và để các bị cáo tẩu thoát an toàn thì bị cáo T đều đồng ý, thực tế hành vi phạm tội của bị cáo H không vượt quá và nằm ngoài ý muốn của bị cáo T. Do đó, bị cáo T là đồng phạm với bị cáo H và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau. Việc người bào chữa đề nghị không áp dụng điểm đ, g Điều 171 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T là không phù hợp, nên không được chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Thị Ngọc A đề nghị áp dụng điểm h khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy rằng hành vi của các bị cáo so với điều luật quy định tại điểm h là chưa rõ ràng, về nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên không xem xét áp dụng tình tiết này đối với các bị cáo.

[3] Các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Thị Cẩm H đều là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được

hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã trực T xâm phạm đến tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa bàn nơi các bị cáo gây án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào động cơ, mục đích, tính chất, mức độ, hậu quả đối với hành vi phạm tội của các bị cáo để đưa ra mức hình phạt thích đáng, nhằm răn đe và giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu của người khác và ngăn ngừa hành vi tương tự ngoài xã hội.

[4] Về nhân thân: Bị cáo T, H có 01 tiền án, riêng bị cáo T có 03 tiền sự nên các bị cáo được xem là có nhân thân xấu; đối với bị cáo H, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù theo bản án số 03/2018/HS-ST ngày 25/01/2018, đã có hiệu lực pháp luật và bị cáo H bị bắt chấp hành án ngày 07/4/2018 theo Lệnh truy nã, nên cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, H thực hiện hai vụ chiếm đoạt tài sản của những người bị hại nên được xem là phạm tội 02 lần trở lên, các bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, đối với lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, các bị cáo không còn tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó, các bị cáo T, H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại Võ Huỳnh Khánh B, nên được hưởng hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị hại Võ Huỳnh Khánh B và gia đình có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; tại phiên tòa, đại diện bị hại Trần Thị Ngọc A có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, H; gia đình các bị cáo T, H có người thân có công với đất nước; bị cáo T tác động cha ruột là ông Lê Quang M thay bị cáo H bồi thường xong cho phía bị hại B; gia đình bị cáo T thuộc diện hộ nghèo; bị cáo H có hai con còn nhỏ, nên các bị cáo T, H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Qua xem xét động cơ, mục đích, tính chất, mức độ, hậu quả đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, qua cân nhắc các vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo T, H ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định nhằm để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy biển số 71AC-006.24 cho ông Lê Quang M; trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, 01 sim có số thuê bao 0868.979.294, 01 áo thun nam màu đỏ, 01 vỏ hộp điện thoại di động có chữ Samsung Galaxy J7 Prime cho bị hại Võ Huỳnh Khánh B; trả lại 01 vỏ hộp điện thoại di động có chữ Samsung Galaxy J7 Prime cho bị hại Trần Thị Ngọc A; trả lại 01 điện thoại di

động hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong gắn 01 sim số thuê bao 01626.420.343 cho Lê Quang T là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Ghi nhận các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Thị Cẩm H đã liên đới bồi thường xong cho bị hại Võ Huỳnh Khánh B số tiền 1.700.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường số tiền 850.000 đồng. Buộc các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Thị Cẩm H tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị Ngọc A với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường với số tiền là 2.500.000 đồng và bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Tuấn Q với số tiền 2.500.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường với số tiền là 1.250.000 đồng.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), án phí dân sự là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); bị cáo Lê Quang T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật do thuộc hộ nghèo.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Lê Quang T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2018.

1.2. Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù theo Bản án số 03/2018/HS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm H chấp hành hình phạt chung là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 357, 584, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Thị Cẩm H liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn Q tổng số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, bị cáo T bồi thường cho bị hại Trần Thị Ngọc A 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn Q 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Bị cáo H bồi thường cho bị hại Trần Thị Ngọc A 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn Q 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự. Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Quang T.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CA huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Minh Tâm